

Ngày 25.12.1992 Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 183.TTg về việc áp dụng hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) thay cho hệ thống bảng cân đối kinh tế quốc dân (MPS) trong phạm vi cả nước bắt đầu 1993.

Trước đây khi tính năng suất lao động (NSLĐ) thể hiện bằng giá trị (tiền) trong các doanh nghiệp công nghiệp (DNCN) theo MPS thì chỉ tiêu được dùng làm từ số là chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng

$$(NSLĐ \text{ bq } 1CN = \frac{\text{giá trị tổng sản lượng}}{\text{số công nhân}})$$

Trong rất nhiều năm khi dùng chỉ tiêu tổng sản lượng để tính năng suất lao động thể hiện bằng tiền đã bộc lộ nhiều nhược điểm làm cho NSLĐ khi tính ra giá trị phản ánh không chính xác. Vì vậy đã có nhiều ý kiến đưa ra những chỉ tiêu khác thay cho chỉ tiêu tổng sản lượng.

Hiện nay chúng ta đã dùng SNA thay cho MPS, vậy khi tính NSLĐ bằng tiền chúng ta sử dụng chỉ tiêu nào?

Trong SNA có 15 chỉ tiêu xét cho phạm vi toàn bộ nền kinh tế. Nếu xét theo phạm vi một doanh nghiệp thì số lượng chỉ tiêu ít hơn, và chỉ có các chỉ tiêu sau đây có thể sử dụng để tính NSLĐ thể hiện bằng giá trị (tiền).

- Chỉ tiêu giá trị sản xuất.
- Chỉ tiêu giá trị tăng thêm.
- Chỉ tiêu giá trị thuần sản phẩm.

Sử dụng chỉ tiêu nào trong ba chỉ tiêu trên để chỉ tiêu NSLĐ chính xác? Muốn vậy chúng ta phân tích ưu, nhược điểm của từng chỉ tiêu.

1. Trước hết chúng ta phân tích chỉ tiêu giá trị sản xuất (thực ra gọi giá trị sản xuất cũng không đúng lắm mà nên gọi là giá trị sản lượng).

Giá trị sản xuất nếu xét theo giác độ các yếu tố cấu thành thì gồm các yếu tố sau:

- Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp.
- Giá trị chế biến sản phẩm bằng nguyên vật liệu của người đặt hàng.
- Giá trị công việc có tính chất công nghiệp.
- Giá trị các sản phẩm kèm theo, phế liệu thu hồi.
- Giá trị nguyên vật liệu của người đặt hàng đem chế biến.
- Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất công nghiệp.
- Chênh lệch giá trị cuối kỳ (-) đầu kỳ của nửa thành phẩm, sản phẩm dở dang.

Như vậy chỉ tiêu giá trị sản xuất của doanh nghiệp công nghiệp gồm 7 yếu tố.

Ưu điểm của chỉ tiêu giá trị sản xuất của doanh nghiệp là nó phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ và vì nó tính theo phương pháp công xưởng nên không tính trùng trong phạm vi doanh nghiệp, do đó nó đáp ứng được những yêu cầu nhất định về phản ánh kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp cũng như của toàn ngành công nghiệp theo khối lượng sản phẩm.

Nhưng nếu dùng chỉ tiêu giá trị sản xuất để biểu hiện mức NSLĐ thì chỉ tiêu này có quá nhiều nhược điểm.

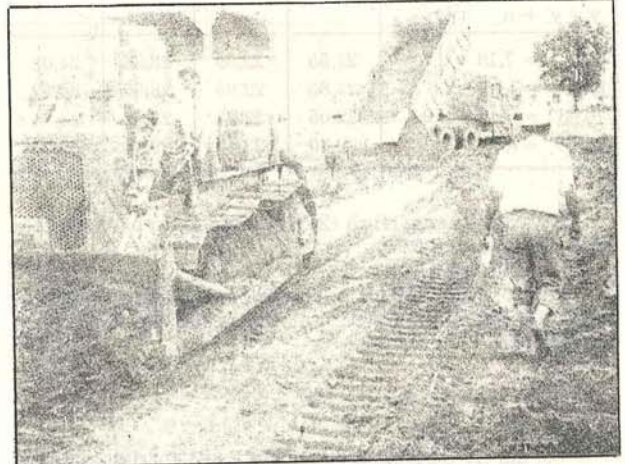
- Nhược điểm lớn nhất là trong chỉ tiêu có yếu tố giá trị nguyên vật liệu. Như chúng ta đã biết, NSLĐ là "hiệu quả của lao động", là "khả năng lao động của con người..." mà là lao động sống của doanh nghiệp. Nhưng giá trị nguyên vật liệu lại là kết quả hoạt động trước đó, của người khác do đó NSLĐ bị thổi phồng (đối với công nghiệp chế biến giá trị nguyên vật liệu thường chiếm khoảng 60% giá trị sản phẩm). Hơn nữa NSLĐ còn không chính xác trong những trường hợp do thay đổi cơ cấu cũng như tổ chức sản xuất của doanh nghiệp, thay đổi kết cấu và mặt hàng sản phẩm có lượng nguyên vật liệu và giá trị nguyên vật liệu khác nhau.

Thí dụ 1: thay đổi cơ cấu tổ chức sản xuất sẽ ảnh hưởng

30 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

VỀ CÁC CHỈ TIÊU DÙNG ĐỂ TÍNH NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN THẾ TRUYỀN



tới NSLĐ.

Một doanh nghiệp dệt tháng 6.1993 tổ chức sản xuất gồm 3 phân xưởng: sợi, dệt, in nhuộm. Phân xưởng sợi 20 công nhân, phân xưởng dệt 25 công nhân và phân xưởng in nhuộm có 15 công nhân. Tổng cộng doanh nghiệp có 60 công nhân.

Số công nhân này trong tháng 6-1993 dệt ra số vải thành phẩm bán theo giá sản xuất được 288.000.000đ.

Từ số liệu trên ta tính được NSLĐ bình quân của một công nhân trong tháng 6.93 như sau:

$$\text{Năng suất lao động bình quân 1 công nhân} = \frac{288.000.000}{60} = 4.800.000đ$$

Nhưng tháng 7.1993 doanh nghiệp không tổ chức sản xuất sợi nữa mà đi mua sợi về dệt, do vậy tổ chức sản xuất của doanh nghiệp chỉ còn có hai phân xưởng là dệt và in nhuộm nên số công nhân chỉ còn 40 người. Số công nhân này cũng sản xuất ra được lượng vải thành phẩm như tháng 6 và cũng bán được 288.000.000đ.

Bây giờ NSLĐ sẽ là:

$$\frac{288.000.000}{40} = 7.200.000đ$$

Căn cứ vào số liệu trên chúng ta thấy: NSLĐ bình quân một công nhân tháng 7 so với tháng 6 bằng 150% tức là tăng 50%. Rõ ràng thực chất không phải như vậy. Bởi vì khi thay đổi cơ cấu tổ chức sản xuất cũng tức là số lượng công nhân sử dụng thay đổi (tăng, nếu tổ chức thêm phân xưởng, giảm nếu bỏ bớt phân xưởng) nhưng giá trị của sản phẩm lại không thay đổi, vì vậy NSLĐ thay đổi, ở thí dụ trên là NSLĐ tăng lên nhưng không phải là thành tích của công nhân mà do doanh nghiệp thay đổi cơ cấu tổ chức sản xuất.

Thí dụ 2: thay đổi loại nguyên vật liệu (NVL) sử dụng cũng ảnh hưởng tới NSLĐ.

Doanh nghiệp X, có 125 công nhân, sản xuất mặt hàng

"A". Tháng 3.1994 sử dụng NVL nước ngoài sản xuất được 250 sản phẩm. Bán theo giá sản xuất là: 2.500.000đ/sản phẩm. Tháng 4.1994 doanh nghiệp sử dụng NVL trong nước thay cho NVL nước ngoài, do NVL trong nước chất lượng kém hơn NVL nước ngoài (và do đó giá mua rẻ hơn) nên chất lượng sản phẩm cũng giảm, vì vậy giá bán là 2.000.000đ/sản phẩm. Trong tháng 4.94 doanh nghiệp cũng sản xuất được 250 sản phẩm. Ta tính được NSLĐ bình quân một công nhân trong tháng 4 và tháng 3.

$$\text{NSLĐ bình quân 1 công nhân tháng 4} = \frac{250 \times 2.000.000}{125} = 4.000.000\text{đ}$$

$$\text{NSLĐ bình quân 1 công nhân tháng 3} = \frac{250 \times 2.500.000}{125} = 5.000.000\text{đ}$$

So sánh NSLĐ tháng 4 với tháng 3 ta thấy giảm 20%. Điều đó không đúng. Hay nói cách khác NSLĐ giảm không phải lỗi tại công nhân. Bởi vì khi thay đổi loại nguyên vật liệu sử dụng thì giá trị của sản phẩm đã thay đổi (từ NVL đắt tiền sang NVL rẻ tiền và ngược lại), nhưng số công nhân sử dụng không thay đổi dẫn đến NSLĐ thay đổi. Trong trường hợp cụ thể trên là NSLĐ giảm.

Cả hai trường hợp trên (ở thí dụ 1 và thí dụ 2) khi NSLĐ tăng lên hoặc giảm đi đều không phải là thành tích hoặc khuyết điểm của công nhân.

- Một nhược điểm nữa của chỉ tiêu giá trị sản xuất là trong đó có yếu tố giá trị phế liệu.

Như chúng ta đã biết, phế liệu chẳng qua là một phần NVL bỏ đi trong quá trình chế biến ra sản phẩm. Phế liệu không phải là sản phẩm trực tiếp của doanh nghiệp. Thí dụ, có một doanh nghiệp chế biến gỗ để sản xuất ra tủ, bàn, ghế. Quá trình sản xuất một phần gỗ trở thành mùn cưa hoặc là những đầu mẩu. Đây chính là phế liệu. Người công nhân sản xuất ra tủ, bàn, ghế (sản phẩm trực tiếp) chứ không phải là sản xuất ra mùn cưa, đầu mẩu (lầm cui). Vì vậy, nếu lấy giá trị số mùn cưa và củi bán được để tham gia vào tính NSLĐ thì rất bất hợp lý, bởi vì làm như vậy cũng có nghĩa là chúng ta đã coi có một phần sức lao động được sử dụng để sản xuất ra mùn cưa và củi.

Từ sự phân tích những nhược điểm chính của chỉ tiêu giá trị sản xuất trên đây, chúng tôi thấy không nên sử dụng chỉ tiêu giá trị sản xuất để tính mức NSLĐ thể hiện bằng giá trị (tiền) trong doanh nghiệp.

2. Về chỉ tiêu giá trị tăng thêm

Trước hết chúng ta cần tìm hiểu nội dung kinh tế (các yếu tố cấu thành) của chỉ tiêu.

Giá trị tăng thêm của doanh nghiệp là phần giá trị chênh lệch giữa giá trị sản xuất với chi phí trung gian của doanh nghiệp.

Từ khái niệm trên chúng ta có thể tính được chỉ tiêu giá trị tăng thêm theo 2 phương pháp

- Phương pháp sản xuất:

$$\text{Giá trị tăng thêm} = \text{Giá trị sản xuất} - \text{Chi phí trung gian}$$

- Phương pháp phân phối:

Gồm các yếu tố sau:

- + Thu nhập của người sản xuất
- + Thuế sản xuất
- + Khấu hao tài sản cố định
- + Giá trị thặng dư

(Từ các yếu tố đó ta thấy giá trị tăng thêm trong SNA tương tự như giá trị sản phẩm thuần túy qui ước (C1 + V + m) trong MPS)

Qua nội dung kinh tế của chỉ tiêu giá trị tăng thêm ta thấy một ưu điểm nổi bật so với chỉ tiêu giá trị sản xuất khi biểu hiện kết quả sản xuất của doanh nghiệp là đã loại trừ được phần giá trị NVL trong giá trị sản phẩm. Như vậy chỉ tiêu giá trị tăng thêm cũng phản ánh kết quả sản xuất của doanh nghiệp nhưng nó phản ánh trên góc độ khối lượng

công việc mà doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất ra sản phẩm, chứ không phải phản ánh toàn bộ giá trị sản phẩm làm ra (tức là phản ánh cả kết quả của người khác).

Tuy thế, nếu dùng chỉ tiêu giá trị tăng thêm làm từ số để tính mức NSLĐ bằng tiền trong doanh nghiệp thì vẫn chưa hợp lý. Bởi vì:

Tài sản cố định nếu biểu hiện về mặt giá trị chính là một phần vốn sản xuất của doanh nghiệp - vốn cố định, do đó việc sử dụng tài sản cố định (TSCĐ) vào sản xuất cũng chính là một trong những yếu tố chi phí về vật chất cho sản xuất. Nhưng do đặc điểm của TSCĐ là giá trị lớn, thời gian sử dụng lại lâu dài nên không thể thu hồi vốn ngay như thu hồi vốn lưu động (giá trị NVL...) nên phải thu hồi nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định dưới hình thức là khấu hao. Với nội dung như vậy, rõ ràng khấu hao TSCĐ chẳng qua là một hình thức thu hồi vốn cố định để tái sản xuất TSCĐ. Nhất là trong điều kiện hiện nay máy móc, thiết bị rất hiện đại, công nghệ rất tiên tiến nên giá trị TSCĐ rất lớn trong khi đó tiến bộ kỹ thuật lại nhanh nên thời gian khấu hao và mức khấu hao ảnh hưởng rất lớn vào chủ quan của người chủ sở hữu.

Với tình thần trên ta không nên dùng chỉ tiêu giá trị tăng thêm để tính mức NSLĐ vì có yếu tố khấu hao TSCĐ.

3. Chỉ tiêu giá trị thuần sản phẩm

Chỉ tiêu này tương tự như chỉ tiêu giá trị sản phẩm thuần túy trong MPS.

Chỉ tiêu này cũng có 2 cách tính:

$$\text{Giá trị thuần sản phẩm} = \text{Giá trị tăng thêm} - \text{Giá trị khấu hao TSCĐ}$$

Hoặc tính trực tiếp từ các yếu tố:

- Thu nhập của người sản xuất
- Thuế sản xuất
- Giá trị thặng dư

Với nội dung kinh tế như trên, rõ ràng chỉ tiêu phản ánh một cách đúng đắn nhất phần giá trị mới do doanh nghiệp sáng tạo ra trong toàn bộ giá trị sản phẩm và vì vậy nó biểu hiện đúng và chính xác kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong quá trình tham gia vào việc chế biến ra sản phẩm, là kết quả đích thực của lao động sống của doanh nghiệp, đã loại trừ được giá trị của lao động quá khứ có trong giá trị sản phẩm (giá trị NVL, khấu hao TSCĐ...)

Chỉ tiêu giá trị thuần sản phẩm đã khắc phục được những nhược điểm của các chỉ tiêu giá trị sản xuất và chỉ tiêu giá trị tăng thêm như đã trình bày, đồng thời nó lại phản ánh đúng kết quả hoạt động sản xuất của lao động sống trong doanh nghiệp, vì vậy nên chọn chỉ tiêu giá trị thuần sản phẩm làm từ số để tính mức NSLĐ

$$\text{Giá trị thuần sản phẩm} = \frac{\text{Năng suất lao động bình quân} \times \text{Giá trị tăng thêm của doanh nghiệp}}{\text{Số lượng lao động}}$$

Trong ba chỉ tiêu được trình bày để chọn chỉ tiêu nào dùng để tính mức NSLĐ, qua phân tích mỗi chỉ tiêu đều có những ưu nhược điểm của nó nhưng chỉ tiêu giá trị thuần sản phẩm có nhiều ưu điểm hơn. Mong rằng đây là ý kiến cá nhân được góp phần vào việc làm sáng tỏ hơn trong bước đầu khi chúng ta chuyển sang tính các chỉ tiêu kinh tế theo SNA ♣

Tài liệu tham khảo

- + Phương pháp tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) cho các tỉnh, thành phố, bộ, ngành và các đơn vị cơ sở - Vụ hệ thống tài khoản quốc gia - Tổng cục thống kê xuất bản 1994.
- + Một số vấn đề hệ thống tài khoản quốc gia, Cục thống kê TP.HCM xuất bản 1993.
- + Xây dựng hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) ở Việt Nam - Dự án VIE 88/032, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 1992.
- + Tạp chí Phát Triển Kinh Tế do trường ĐHKI TP.HCM xuất bản hàng tháng các số 43, 44, 45, 46 (tháng 5, 6, 7, 8 năm 1994)
- + Thống kê doanh nghiệp, của các tác giả Nguyễn Kim Thủy, Nguyễn Thiệp, Nguyễn Ngọc Nga và Trần Đình Thêm do khoa Quản trị kinh doanh, ĐH mở bán công TP.HCM xuất bản 1994.